TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/KDTM-ST
Ngày 15-01- 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phú

2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2024/TLST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 926/2024/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần U

Trụ sở: đường N, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1997/ bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1992, cùng địa chỉ liên hệ: đường N, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền. (Ông M có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Một Thành Viên V

Trụ sở: đường C1, Phường H, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đoàn Quốc B, sinh năm 1979, địa chỉ: Chung cư X, Phường M1, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là Công ty Cổ phần U có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Đức M trình bày:

Ngày 14/5/2023, Công ty CP U và Công ty TNHH Một Thành Viên V có ký với nhau hợp đồng kinh tế số USS/03/2023-VEC với nội dung cung cấp và lắp đặt

thiết bị thương hiệu US SOLUTION đối với công trình Dự án Nhà máy Công ty TNHH R, tổng giá trị hợp đồng là 1.329.535.680 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng công ty U đã cung cấp đúng đủ các sản phẩm và lắp đặt đúng với thỏa thuận đã giao kết. Ngày 17/8/2023, Công ty TNHH Một Thành Viên V tiến hành nghiệm thu và đồng ý đưa vào sử dụng. Theo thỏa thuận Công ty TNHH Một Thành Viên V phải hoàn tất việc thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu. Tuy nhiên, công ty V chỉ thanh toán số tiền 867.510.400 đồng. Ngày 30/12/2023, hai bên lập bản đối chiếu công nợ xác nhận số nợ công ty V còn phải thanh toán là 462.025.280 đồng.

Đến nay, Công ty TNHH Một Thành Viên V vẫn không thanh toán số tiền trên nên công ty nguyên đơn Công ty Cổ phần U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần U tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2024 là 606.890.241 đồng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 462.025.280 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng tương ứng 8% giá trị hợp đồng là 106.362.854 đồng (8% x 1.329.535.680 đồng), tiền lãi trên số tiền chậm trả tạm tính đến ngày 31/5/2024 là 38.502.107 đồng (462.025.280 đồng x 20%/năm x 05 tháng). Thanh toán trong một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 14/11/2024 nguyên đơn Công ty Cổ phần U có đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu cụ thể: Công ty TNHH MTV V thanh toán cho Công ty Cổ phần U tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2024 là 522.088.566 đồng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 462.025.280 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng tương ứng 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm là 36.962.022 đồng (8% x 462.025.280 đồng), tiền lãi trên số tiền chậm trả tạm tính đến ngày 31/5/2024 là 23.101.264 đồng (462.025.280 đồng x 12%/năm x 05 tháng). Thanh toán trong một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Một Thành Viên V vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn Công ty Cổ phần U có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Đức M trình bày: Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty TNHH V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần U tổng số tiền tính đến ngày 15/01/2025 là 547.114.935 đồng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 462.025.280 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng tương ứng 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm là 36.962.022 đồng (8% x 462.025.280 đồng), tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 31/12/2023 đến ngày 15/01/2025 là 48.127.633 đồng (462.025.280 đồng x 10%/năm x 12 tháng 15 ngày). Thanh toán trong một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Một Thành Viên V vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định

đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* Trong vụ án này, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Công ty Cổ phần U có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Đức M có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn Công ty TNHH Một Thành Viên V đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 462.025.280 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng kinh tế số USS/03/2023-VEC ngày 14/5/2023 về việc cung cấp và lắp đặt thiết bị thương hiệu US SOLUTION đối với công trình Dự án Nhà máy Công ty TNHH R và Phụ lục hợp đồng kinh tế số 01/PLHĐ/USS/03/2023-VEC ngày 03/7/2023 được ký kết giữa Công ty TNHH Một Thành Viên V và Công ty Cổ phần U thì giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa.

Căn cứ vào biên bản giao nhận thiết bị ngày 15/6/2023; các hóa đơn giá trị gia tăng (00000141 ngày 22/6/2023, 00000220 ngày 05/9/2023); biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/12/2023 đã thể hiện Nguyên đơn cung cấp và lắp đặt cho Bị đơn hàng hóa là các thiết bị thương hiệu US SOLUTION ở địa chỉ Đường S, xã I, huyện B1, tỉnh Đồng Nai. Giá trị hàng hoá đã giao là 1.329.535.680 đồng, phía Bị đơn đã

thanh toán số tiền là 867.510.400 đồng, còn nợ lại 462.025.280 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Bị đơn để làm rõ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng phía Bị đơn đều vắng mặt, không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu khác thể hiện đã thực hiện thanh toán đầy đủ cho Nguyên đơn.

Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền mua hàng hoá là có cơ sở. Căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng hoá còn thiếu cho Nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của Nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở chấp nhận yêu cầu Nguyên đơn, buộc Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn số tiền mua hàng hóa còn nợ lại là 462.025.280 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng tương ứng 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm là 36.962.022 đồng (8% x 462.025.280 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 9 của Hợp đồng kinh tế số USS/03/2023-VEC ngày 14/5/2023 hai bên thoả thuận trường hợp Công ty TNHH Một Thành Viên V chậm thanh toán sẽ chịu mức phạt 1.000.000 đồng/ngày chậm thanh toán và không quá 8% giá trị hợp đồng. Tuy nhiên phía Nguyên đơn yêu cầu số tiền phạt vi phạm hợp đồng tương ứng 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm là 36.962.022 đồng (8% x 462.025.280 đồng) là phù hợp với Điều 301 Luật Thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán số tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ 31/12/2023 đến ngày 15/01/2025 là 48.127.633 đồng (462.025.280 đồng x 10%/năm x 12 tháng 15 ngày), Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi do Bị đơn chậm thanh toán, theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng công bố tại thời điểm tháng 01 năm 2025 (Vietcombank 12.5%, Ngân hàng TMCP Bản Việt 10%, DongÁBank 7.7%) x 150% = 15,1 %/năm.

Xét Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi suất do chậm thanh toán tính từ tháng 31/12/2023 đến 15/01/2025 đối với số tiền 462.025.280 đồng với mức lãi suất 10% /năm là có lợi cho Bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi 48.127.633 đồng.

Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 24, 50, 301, 306 Luật thương mại 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ mua hàng hóa còn lại là 462.025.280 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 48.127.633 và tiền phạt vi phạm là 36.962.022 đồng tổng cộng là 547.114.935 đồng.

- *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án

chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 24, 50, 301, 306 Luật Thương mại.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần U.

Bị đơn Công ty TNHH Một Thành Viên V có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn Công ty Cổ phần U số tiền 547.114.935 (Năm trăm bốn mươi bảy triệu một trăm mười bốn ngàn chín trăm ba mươi lăm) đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Một Thành Viên V phải chịu 25.884.597 (Hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi bảy) đồng.

Hoàn lại cho Nguyên đơn Công ty Cổ phần U số tiền 14.137.805 (Mười bốn triệu một trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm lẻ năm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002423 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Tâm